



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 028.38442414 – Fax : 028.38442387
Email : southernseed@ssc.con.vn



DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

TT	Danh mục tài liệu
1	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.
2	Báo cáo của HĐQT năm 2020.
3	Báo cáo Ban Điều hành năm 2020.
4	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020.
5	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
6	Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2020.
7	Tờ trình quyết toán chi trả thù lao của HĐQT & BKS năm 2020 và phương án chi trả thù lao HĐQT & BKS năm 2021.
8	Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2021 & dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2021.
9	Tờ trình ủy quyền cho BKS lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021.
10	Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty.
11	Báo cáo Tài chính năm 2020 (trích tóm tắt).



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 028.38442414 – Fax: 028.38442387
Email: southernseed@ssc.com.vn



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020 (ngày 23/4/2021)

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	8:00 – 8:30	- Đăng ký cổ đông, tiếp đón khách mời;	Ban Tổ chức
		- Khai mạc (báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự, giới thiệu khách mời, chương trình Đại hội; đề cử Chủ toạ đoàn, Thư ký)	Ban Tổ chức
2	8:30 – 9:30	- Báo cáo HĐQT năm 2020;	Trần Kim Liên CT.HĐQT
		- Báo cáo Ban Điều hành năm 2020 & kế hoạch SXKD năm 2021; - Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2020	Nguyễn Đình Nam Q.TGD Phan Thế Tỷ TBKS
3	9:30 – 10:30	1. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán; 2. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2020; 3. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2020 & phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2021; 4. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD, dự kiến cổ tức năm 2021; 5. Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021; 6. Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty. 7. Thảo luận & biểu quyết các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ;	Lâm Tuấn Lạc KTT Công ty
4	10:30 – 10:45	Nghỉ giải lao (15') – Ban Kiểm phiếu làm việc	

6	10:45 – 11:00	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả biểu quyết các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ; - Thông qua dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020; 	Chủ tọa đoàn
7	Từ 11:00	<ul style="list-style-type: none"> - Bế mạc ĐHĐCĐ; 	Ban Tổ chức

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO **HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020** **& ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

1. Phiên họp

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi	Tỷ lệ
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%
2	Ông Hàng Phi Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	7/7	100%
3	Ông Nguyễn Đình Nam	TV HĐQT từ 25/6/2020, Tổng giám đốc	4/7	57%
4	Ông Bùi Quang Sơn	TV HĐQT từ 25/6/2020	4/7	57%
5	Ông Dương Quang Sáu	TV HĐQT từ 25/6/2020	4/7	57%

(Tại ĐHCĐTN ngày 25/6/2020, bầu HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025)

2. Nghị quyết, quyết định

Văn bản	Ngày	Nội dung
01/NQ-HĐQT	08/01/2020	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch 2020. Thông qua Dự án Trung tâm Nghiên cứu lúa Cờ Đỏ.
02/NQ-HĐQT	08/01/2020	Thông qua Chủ trương góp vốn vào Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam - Vinarice.
03/NQ-HĐQT	08/01/2020	Phê duyệt đơn giá tiền lương 2020.
04/NQ-HĐQT	08/01/2020	Phê duyệt Cơ cấu tổ chức thành lập Phòng Kinh doanh hạt giống rau màu, phòng Kinh doanh Giống cây lương thực và bổ nhiệm cán bộ cấp trung theo cơ cấu tổ chức mới.
05/NQ-HĐQT	26/02/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐTN 2019.

06/NQ-HĐQT	17/04/2020	Thông qua Kết quả kinh doanh Quý I/2020.
07/NQ-HĐQT	17/04/2020	Thông qua Phương án góp vốn vào Vinarice.
08/NQ-HĐQT	17/04/2020	Thông qua việc cử người đại diện phần vốn của SSC tại Vinarice và đại diện theo ủy quyền vào HĐQT của Vinarice.
09/NQ-HĐQT	22/05/2020	Chấp thuận Đơn từ nhiệm Tổng giám đốc của ông Đỗ Tiên Sỹ vì lý do cá nhân. Bổ nhiệm ông Nguyễn Đình Nam giữ chức vụ Q. Tổng Giám đốc SSC.
10/NQ-HĐQT	22/05/2020	Thông qua việc điều chỉnh Kế hoạch Kinh doanh năm 2020 và Chiến lược kinh doanh 2021 - 2023.
11/NQ-HĐQT	22/05/2020	Thông qua Phương án Tái cấu trúc Tổ chức, định biên lao động, bố trí sắp xếp lại nhân sự SSC.
12/NQ-HĐQT	22/05/2020	Thành lập Trung tâm Kinh doanh và Phát triển Hạt giống Rau Hoa.
13/NQ-HĐQT	22/05/2020	Phân công nhiệm vụ Ủy viên HĐQT Thường trực.
14/NQ-HĐQT	22/05/2020	Thông qua Thời gian tổ chức ĐHCĐ TN 2020.
16/NQ-HĐQT	29/08/2020	Chi trả cổ tức năm 2019.
17/NQ-HĐQT	29/08/2020	Phê duyệt Dự toán phần thi công xây dựng đồng ruộng Dự án Trung tâm nghiên cứu Lúa tại CN Cờ Đỏ.
19/NQ-HĐQT	15/09/2020	Thông qua Chủ trương chuyển nhượng nhà đất Văn phòng CN Hà Nội.
20/NQ-HĐQT	06/10/2020	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất.
21/NQ-HĐQT	06/10/2020	Thông qua Phương án Kịch bản toàn nhân sự cấp trung Công ty.
22/NQ-HĐQT	09/10/2020	Phê duyệt chi phí mua xe bán tải phục vụ SXKD.
23/NQ-HĐQT	28/10/2020	Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Kế toán Trưởng Công ty.
24/NQ-HĐQT	28/10/2020	Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Giám đốc CN Phú Giáo.
25/NQ-HĐQT	28/10/2020	Phê duyệt Tổng dự toán Dự án Trung tâm nghiên cứu Lúa tại Chi nhánh Cờ Đỏ.

3. Chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc và việc triển khai các Nghị quyết ĐHCĐ Thường niên, Nghị quyết HĐQT trong năm 2020.

Phương thức giám sát:

- Giám sát thông qua các báo cáo tại phiên họp HĐQT (trong năm 2020, các phiên họp HĐQT chủ yếu thông qua họp trực tuyến).
- Tiểu ban quản trị, nhân sự và pháp chế; Tiểu ban Đầu tư: Giám sát các khía cạnh tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát tính tuân thủ trong các phương án đầu tư, kinh doanh.
- Năm 2020 - HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp, các phiên họp đều mở rộng có sự tham gia của BKS, Ban TGD đưa ra các quyết nghị định hướng cho Ban Điều hành triển khai, ngoài ra, HĐQT cũng đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 25 nghị quyết, quyết định liên quan đến các vấn đề trọng yếu thuộc HĐQT.

Hoạt động giám sát:

- + Chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.
- + Chủ trì thành công ĐHĐCĐ thường niên 25/6/2020.
- + Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ BCTC quý, bán niên, BCTC năm 2020 và BCTN.
- + Giám sát thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo quy định UBCK, Sở GDCK TP HCM.
- + Giám sát, hỗ trợ hoạt động Ban điều hành nâng cao hiệu quả đầu tư, SXKD, đảm bảo tuân thủ pháp luật trong điều hành.

Kết quả giám sát: Qua chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, HĐQT đánh giá Ban Điều hành:

- ✓ Đã nỗ lực rất lớn trong hoàn cảnh khó khăn chung của ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong hoàn cảnh dịch Covid ảnh hưởng trực tiếp đến SXKD của Công ty.
- ✓ Tuân thủ thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế công ty, thực thi công việc đúng chức năng, thẩm quyền, phân cấp quản trị.

4. Hoạt động của Tiểu ban HĐQT

Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng:

- + Tham gia xây dựng Đơn giá tiền lương 2020.
- + Tư vấn pháp lý đầu tư, công bố thông tin, quản trị rủi ro.
- + Tư vấn phương án tăng vốn điều lệ Vinarice, nhân sự đại diện phần vốn góp SSC tại Vinarice. Tư vấn phương án bố trí nhân sự cấp cao.

Tiểu ban Tái cấu trúc và Đầu tư:

- + Tham gia xây dựng Kế hoạch Kinh doanh 2020; Chiến lược 2021 - 2025.
- + Tái cấu trúc tổ chức nhân sự cho phù hợp với định hướng Chiến lược phát triển

của Công ty.

- + Tham gia xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020, lập Dự án Đầu tư Trung tâm Nghiên cứu lúa tại CN Cờ Đỏ. Giám sát và hỗ trợ các hoạt động đầu tư.

Tiểu ban Khoa học và Công nghệ:

- + Tham gia hoạch định mục tiêu chiến lược R&D giai đoạn 2021 – 2025.
- + Tham gia xây dựng Phương án thành lập Trung tâm Nghiên cứu lúa ĐBSCL tại Cờ Đỏ. Tư vấn công nghệ trong việc mua sắm hệ thống dây chuyền công nghệ Chi nhánh Cờ Đỏ.
- + Hỗ trợ thông tin KHKT nông nghiệp trong nước và quốc tế.

PHẦN II

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2020

A. TỔNG QUAN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM 2020

❖ **Thuận lợi:**

- + Chính phủ và Bộ NN&PTNT quyết liệt hành động với các giải pháp cơ cấu lại ngành, đổi mới mô hình tăng trưởng, khơi thông nguồn lực đầu tư toàn xã hội (Nghị quyết số 01/NQ-CP khuyến khích DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa) góp phần đảm bảo ổn định sản xuất nông nghiệp.
- + Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vẫn đạt kỷ lục cao. Kim ngạch xuất khẩu gạo lần đầu tiên đạt trên 3 tỷ USD (vượt Thái Lan).
- + Giá lúa lương thực tăng mạnh kích thích sản xuất trong nước.

❖ **Khó khăn:**

- Tác động biến đổi khí hậu, sản xuất gặp rất nhiều khó khăn do đầu năm hạn hán, xâm nhập mặn, cuối năm mưa bão, lũ lụt trên diện rộng, thời vụ muộn:
 - ✓ ĐBSCL: phá vỡ mọi kỷ lục của đợt xâm nhập mặn lịch sử năm 2016.
 - ✓ Trung bộ và Tây Nguyên: đầu năm lưu lượng nước thiếu hụt 30 - 80% cùng kỳ. Cuối năm, mưa lũ xảy ra liên tục, đặc biệt 6 cơn bão mạnh đổ bộ vào miền trung gây thiệt hại cho SXNN rất lớn.
 - ✓ Nhiều diện tích sản xuất bị mất mùa do mưa nhiều dẫn đến lúa bị nảy mầm trên ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng thu mua của Công ty.
 - ✓ Thị trường xuất khẩu trọng điểm bấp: Lào, Campuchia hạn hán kéo dài, diện tích sụt giảm mạnh.

(Theo số liệu thống kê diện tích và sản lượng lúa cả nước năm 2020 sụt giảm chỉ bằng 95% cùng kỳ).

- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid: Các biện pháp cách ly, phong tỏa, đóng biên làm đứt gãy chuỗi cung ứng – tiêu thụ. Hoạt động triển khai sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ bán hàng, xuất nhập khẩu bị hạn chế.
- Sức mua thấp: Hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm, nông sản không xuất khẩu được, giá nông sản giảm mạnh dẫn đến sản xuất đình trệ.
- Xu hướng chuyển dịch diện tích đất lúa sang khu đô thị, KCN diễn ra mạnh mẽ.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

1. Kết quả kinh doanh năm 2020:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	TH/KH
Doanh thu	Tỷ đ	373,6	450,5	120,5%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đ	87,9	101,3	115,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	48,9	50,9	104,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	39,0	40,0	102,5%
ROS (LN/DT)	%	10,4%	8,8%	84,6%
Cổ tức (bằng tiền)	%	10%	10% (DK)	100,0%
ROA	%		8,38%	
ROE	%		11,93%	
EBIT	Tỷ đ		51,0	
EBITDA	Tỷ đ		62,6	
EPS	đ/CP		3.028	

2. Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2019
Khả năng thanh toán tiền mặt (Tiền, TDT/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,65	0,90
Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,10	2,52
Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - H Tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,84	1,96

3. Cơ cấu vốn công ty:

(ĐVT: Tỷ VNĐ)

Chỉ tiêu	2020	2019	2020/2019
Nợ phải trả	139,8	144,8	96,5%
Vốn chủ sở hữu	342,5	329,0	104,1%

Tổng nguồn vốn	482,4	473,9	101,8%
Hệ số nợ (Nợ phải trả/ Vốn CSH)	40,8%	44,0%	92,7%
Hệ số đòn bẩy (Tổng tài sản/ Vốn CSH)	140,8%	144,0%	97,8%

4. Hiệu quả quản lý tài sản:

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2019	2020/2019
Tổng tài sản	Tỷ đ	482,4	473,9	101,8%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đ	342,5	329,0	104,1%
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn / Hàng tồn kho)	Vòng	9,4	5,4	174,1%
Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu / Khoản phải thu)	Vòng	2,7	4,0	67,5%
Vòng quay Tài sản (Doanh thu / TTS)	Vòng	0,9	1,3	69,2%

5. Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020: 12,44 tỷ đồng. Bao gồm:

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Kế hoạch phê duyệt	Tiến độ thực hiện 2020	Ghi chú
1	Chi nhánh Cờ Đỏ	30.998	4.051	Đang thực hiện
	Bao gồm:			
	+ Xây dựng Trung tâm nghiên cứu lúa	20.000		
	+ Hệ thống chế biến giống công suất 15 tấn/h	10.000		
	+ Cải tạo kênh mương nội đồng, thay thế, sửa chữa thiết bị, băng tải,...	998		
2	Chi nhánh Phú Giáo: (Cải tạo hệ thống tưới tiêu, máy móc thiết bị).	1.357	67	Đang thực hiện
3	Chi nhánh Củ Chi: (Đồng bộ bao Bigbag, bảo trì, sửa chữa hệ thống máy móc thiết bị).	2.220	230	Đang thực hiện
4	Chi nhánh Lâm Hà (Sửa chữa, bảo trì hệ thống thiết bị)	40	150	
5	Chi nhánh Miền Trung (Sửa chữa nhà văn phòng chi nhánh)	231	103	
6	Hội sở	700	700	
	TỔNG CỘNG	35.546	5.301	

Các dự án, công trình triển khai theo đúng quy định luật đầu tư, xây dựng. Công trình thi công đảm bảo chất lượng.

6. Chi trả cổ tức 2019:

Thực hiện Nghị quyết 15/NQ-ĐHĐCĐ2020 của ĐHĐCĐ, SSC đã chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, tỷ lệ cổ tức: 20%.

7. Sở hữu tại Vinarice:

Thực hiện Nghị quyết 07/NQ-HĐQT ngày 17/04/2020, Công ty đã thực hiện xong việc góp vốn vào công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice). Giá trị vốn góp: 99 tỷ đồng, chiếm 30% VĐL Vinarice (VĐL Vinarice: 330 tỷ đồng).

8. Quản trị doanh nghiệp:

- Tái cấu trúc tổ chức, nhân sự, pháp chế Công ty theo hướng tinh gọn và nâng cao hiệu quả hoạt động:
 - + Tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, nhân sự cho phù hợp với quy mô thị trường, sản phẩm.
- Tập trung đổi mới, cải tiến hệ thống quy chế (ban hành mới, sửa đổi bổ sung 08 Quy chế). Các quy chế, quy định có sự tham khảo, kế thừa giữa các công ty thành viên trong Tập đoàn Vinaseed.
- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực được quan tâm với 15 lớp – 390 lượt đào tạo. Trong đó đào tạo nội bộ: 317 lượt, đào tạo bên ngoài 73 lượt.
- Triển khai đồng bộ tin học hóa trong công tác quản trị, áp dụng rộng rãi hình thức họp trực tuyến.

9. Đánh giá chung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên 2020:

- ❖ Trong điều kiện năm 2020 gặp rất nhiều khó khăn về thiên tai, dịch bệnh, công ty trong giai đoạn tái cấu trúc thị trường, sản phẩm. SSC đã tận dụng mọi cơ hội và hoàn thành kế hoạch Kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao:
 - ✓ Doanh thu: **450,5 tỷ đồng**, bằng 120,5% kế hoạch.
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế : **40,0 tỷ đồng**, bằng 102,5% kế hoạch.
- ❖ Thực hiện đầy đủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, các chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế thực hiện chức năng, phân cấp quản trị.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Mục tiêu Kinh doanh hợp nhất năm 2021:

Chỉ tiêu	Đvt	Mục tiêu 2021
Doanh thu	Tỷ đ	266,4
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	39,6
Lợi nhuận được chia từ Vinarice (30% LNST KH của Vinarice)	Tỷ đ	18,9
Tổng lợi nhuận hợp nhất	Tỷ đ	58,5
Cổ tức	%	39%

2. Mục tiêu quản trị:

- + Hoàn thiện đồng bộ quy chế. Xây dựng hệ thống mô tả công việc, quy trình làm việc bài bản, tinh gọn; Tăng cường kiểm soát chấp hành quy chế. Xử lý nghiêm trường hợp vi phạm.
- + Triển khai áp dụng phương án tiền lương mới từ Tập đoàn.

Trân trọng báo cáo!

**TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

PHẦN 1: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Tình hình Kinh tế - Xã hội

- Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến giao thương;
- Xâm nhập mặn, hạn hán đầu vụ ảnh hưởng đến diện tích sản xuất và cơ cấu cây trồng;
- Thiên tai, bão lụt cuối năm 2020 ảnh hưởng trực tiếp tới các tỉnh miền Trung;
- Diện tích đất sản xuất lúa giảm 500.000 ha, từ 4,2 triệu ha giảm còn 3,7 triệu ha;
- Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước đạt 2,91%, trong đó ngành nông nghiệp tăng trưởng 2,55%.

a. Thuận lợi:

- Quy mô công ty đã được điều chỉnh phù hợp với trình độ và năng lực tổ chức sản xuất;
- Thị trường nông sản lúa gạo xuất khẩu tốt, gạo thơm được ưu thế, nông dân hạn chế tự để giống hơn;
- Đài Thơm 8, Hương Châu 6, Thiên Châu 6 được nông dân – nhà đầu tư tin tưởng và sử dụng nhiều, thay thế các giống khác;
- Vùng nguyên liệu sản xuất cơ bản đã ổn định; Chất lượng giống nhập kho được cải thiện hơn năm trước.
- Sắp xếp lại các đơn vị kinh doanh nên tập trung phát triển sản phẩm mang tính chuyên sâu hơn.

b. Khó khăn:

- Do thay đổi chiến lược kinh doanh tập trung vào mảng rau, hoa;
- Nguồn nhân lực và sản phẩm còn hạn chế, đồng thời chưa có định hướng cụ thể cho mục tiêu tăng trưởng;

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến tình hình giao thương mua bán với Campuchia;
- Năm 2020, do tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến việc sản xuất giống, khiến cho chất lượng, năng suất giống không đảm bảo theo kế hoạch.
- Vùng nguyên liệu cây trồng cận bị thu hẹp và cạnh tranh ngày càng gay gắt;
- Công nhân khan hiếm, già hóa (trong nhà máy cũng như ngoài đồng) ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất ngoài đồng cũng như năng suất lao động trong nhà máy.

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (*chưa hợp nhất Vinarice*).

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	CK 2019	TH/KH	TH/CK
Khối lượng	Tấn	25.306	29.466	30.764	116,44%	95,78%
Doanh thu	Triệu đồng	373.681	450.502	611.486	120,56%	73,67%
Chênh lệch giá	Triệu đồng	87.911	101.392	173.471	115,33%	58,45%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	48.843	50.937	92.872	104,29%	54,85%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	39.075	40.080	73.836	102,57%	54,28%
EBIT	Triệu đồng	48.843	51.036	94.709	104,49%	53,89%
EBITDA	Triệu đồng	59.634	62.669	105.501	105,09%	59,40%
EPS	Đồng/CP	2.944	3.028	5.069	102,85%	59,73%

- ✓ **Ghi chú:** Năm 2020, Tập đoàn Vinaseed điều chỉnh quy mô kinh doanh, chuyển thị trường 13 tỉnh ĐBSCL sang Vinarice là đơn vị thành viên trong Tập đoàn để kinh doanh lúa thuần, SSC thu hẹp quy mô thị trường, tương ứng kế hoạch năm 2020 giảm:

- Sản lượng : 30.000 tấn giống.
- Doanh thu : 450 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 60 tỷ đồng.

- ✓ **Đánh giá chung :**

- Đã hoàn thành được mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra về tất cả các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận;
- Năm 2020, Doanh thu tăng 76.821 triệu đồng so kế hoạch, **tăng trưởng 20,56% so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra;**
- Bên cạnh đó lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 1.005 triệu đồng so với kế hoạch, **tăng 2,57% so với kế hoạch ĐHCĐ đề ra;**
- Vẫn duy trì được thị phần xuất khẩu lúa lai và bắp sang thị trường Đông Nam Á;
- Bước đầu công tác phát triển sản phẩm mới đã được chú trọng;

- Chiến lược phát triển sản phẩm mới cho từng vùng chưa đồng bộ; công tác truyền thông phát triển sản phẩm mới & xây dựng hệ thống kênh phân phối chưa tốt nên công tác phát triển sản phẩm mới còn hạn chế.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Tiêu chí	2019	2020	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng 2020
1	Tài sản ngắn hạn	365.525	294.578	-19,41%	61%
2	Tài sản dài hạn	108.406	187.833	73,27%	39%
3	Tổng tài sản	473.932	482.411	1,79%	100%

Tổng tài sản Công ty năm 2020 tuy tăng so với năm 2019 nhưng không đáng kể. Cụ thể, tài sản ngắn hạn giảm 19,41% đạt 294.578 triệu đồng - chủ yếu do hàng tồn kho của Công ty giảm, tài sản ngắn hạn chiếm 61% trong cơ cấu tổng tài sản. Tài sản dài hạn tăng 73,27% đạt 187.833 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 39% trong cơ cấu tài sản Công ty năm 2020.

b. Tình hình nợ phải trả

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Tiêu chí	2019	2020	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	144.834	139.821	-3,46%
2	Nợ dài hạn	-	-	-
3	Tổng nợ	144.834	139.821	-3,46%

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, Công ty không sử dụng nợ dài hạn trong cả hai năm 2019 và 2020. Khoản mục nợ ngắn hạn giảm tương đương 3,46% đạt 139.821 triệu đồng, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất khoản mục phải trả ngắn hạn khác chiếm 72% chủ yếu liên quan đến khoản phải trả dự án Khu đất 282 Lê Văn Sỹ.

c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2019	2020
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,52	2,11
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,96	1,84
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	30,56%	28,98%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	44,01%	40,81%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	4,02	5,88

TT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2019	2020
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Lần	1,29	0,94
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,07%	8,90%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	21,85%	11,93%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	15,53%	8,38%
4	Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,44%	10,88%

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2020, những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý mà Công ty đã đạt được như sau:

a. Cơ cấu tổ chức:

- Chuyển Phòng Sản xuất, Phòng Kinh doanh 2, Phòng Marketing – PTSP, Chi nhánh Cai Lậy, Chi nhánh Trà Vinh sang Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice);
- Sắp xếp lại và thành lập Trung tâm Kinh doanh Hạt giống rau hoa (CTVS), định biên lại lao động các đơn vị, bổ nhiệm thay đổi cán bộ quản lý đáp ứng theo yêu cầu phát triển Công ty;

b. Công tác quản lý Công ty:

- Hệ thống quy chế được ban hành thống nhất và đầy đủ;
- Tăng cường đào tạo kỹ năng quản lý cho cán bộ cấp trung;
- Xây dựng bổ sung định mức khoán sản xuất; kiểm soát chi phí giá thành sản xuất;
- Chính sách hoạt động: Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất ổn định, cơ bản kiểm soát được giá thành sản xuất.

5. Về công tác quản trị

a. Quản lý chi phí

- Định mức chi phí dịch vụ vận chuyển (thu mua, kinh doanh);
- Chọn nhà cung ứng có giá cạnh tranh để sử dụng hiệu quả chi phí mua vật tư đầu vào;
- Kiểm soát thông tin giá nông sản để quyết định giá mua hợp lý;
- Sử dụng hiệu quả vòng quay hàng hóa, lưu kho, kho thuê.

b. Chế biến bảo quản - QLCL

- Nhân viên QLCL cùng với NVSX kiểm soát chất lượng thu hoạch tại đồng ruộng;

- Định mức khoán nhân công trong từng phân đoạn trong chế biến bảo quản (cho từng đơn vị).

c. Công tác sản xuất

- Xây dựng vùng nguyên liệu gần nhà máy;
- Có chính sách phù hợp với từng vùng nguyên liệu và quy trình thanh toán nhanh gọn để giữ địa bàn sản xuất;
- Tăng cường giám sát, ngăn ngừa việc sử dụng chất kích thích trong sản xuất hạt giống.

d. Kinh doanh

- Tập trung nguồn lực, phát triển các sản phẩm chủ lực mang lại hiệu quả cao tại các vùng thị trường trọng điểm;
- Thay đổi cách thức quảng bá, trình diễn hội thảo sản phẩm chủ lực theo hướng tiếp cận các nông dân “key” và sử dụng công nghệ số;
- Mở rộng và phát triển các kênh tiêu thụ hạt giống rau màu (Đại lý, thương lái, HTX,...) và các đơn vị tham gia chuỗi cung ứng rau màu.

e. Quản trị

- Xây dựng các dự toán định mức các hạng mục chi phí về lương, khấu hao và công cụ dụng cụ;
- Tập trung vào việc xin gia hạn thời gian thuê đất tại các đơn vị/Chi nhánh;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa, đặc biệt là khối sản xuất và khối quản lý chất lượng;
- Đề cao tính chủ động, trách nhiệm của các Trưởng đơn vị để giải quyết các công việc của đơn vị mình.

6. Kết quả Đầu tư, xây dựng cơ bản:

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư và XD/CB và sửa chữa lớn năm 2020 như sau:

a. Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa:

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Đơn Vị	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	Ghi chú
1	Chi nhánh Cờ Đỏ	30.998	3.723	12%	
1.1	Xây dựng TTNC lúa	20.000	3.215		<i>Chuyển sang 2021</i>
1.2	Hệ thống chế biến giống (15 tấn/h)	10.000			<i>Chuyển sang 2021</i>
1.2	Các hạng mục nạo vét kênh, mương, thay lưới sào,...	998	508		
2	Chi nhánh Phú Giáo	1.357	67	5%	
2.1	Đầu tư hệ thống tưới và hồ chứa nước	1.158	0		<i>Chuyển sang 2021</i>
2.2	Sửa chữa nhỏ	200	67		

TT	Đơn Vị	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	Ghi chú
3	Chi nhánh Củ Chi	720	230	31,9%	
3.1	Sửa chữa bảo trì hệ thống	720	230		
4	Chi nhánh Lâm Hà	40	90	225%	Bảo trì sửa chữa máy móc thiết bị
4.1	Mua sắm CCDC, Sửa chữa nhỏ	40	90		
5	Chi nhánh miền Trung	231	136	59%	Thay mái tole nhà văn phòng, bảo trì sửa chữa máy móc thiết bị
5.1	Đầu tư mới, sửa chữa lớn	200	71		
5.2	Mua sắm CCDC, Sửa chữa nhỏ	31	65		
6	Trụ sở chính Công ty	0	700		
6.1	Mua xe bán tải	-	700		
	Tổng cộng	33.346	4.946	14,8%	

- ✓ **Tổng cộng thực hiện là 4,94 tỷ đồng**, chỉ đạt 14,8% kế hoạch.
- **Nguyên nhân không đạt kế hoạch:** (i) Trong đó dự án Trung tâm Nghiên cứu Lúa Cờ Đỏ mới hoàn tất thủ tục cấp giấy phép xây dựng trong tháng 10/2020, sau đó mới tổ chức mời thầu và xét chọn thầu, đang thực hiện xây dựng từ đầu năm 2021; (ii) Hệ thống chế biến: Do dịch bệnh Covid nên đối tác nước ngoài chưa qua khảo sát để bố trí mặt bằng và lắp đặt thiết bị chế biến được; (iii) Hệ thống tưới và chứa nước ở CNPG: đang trong giai đoạn hoàn chỉnh thiết kế. Ba hạng mục này sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2021.
- b. **Đầu tư Tài chính:** Đầu tư vào Công ty liên kết với Dự án Trung tâm Công nghiệp Chế biến Hạt giống và Nông sản tỉnh Đồng Tháp: Dự án đã hoàn thành và SSC đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice) vào tháng 6/2020. Với giá trị góp vốn: **99 tỷ đồng**, tương đương 30% vốn Vinarice.
- ✓ **Tổng cộng giá trị đầu tư năm 2020: 103,94 tỷ đồng**, với giá trị đầu tư năm 2020 đã làm tăng tài sản của Công ty.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2021

1. Kế hoạch kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ % 2021/2020
1. Khối lượng	Tấn	10.311	32.135	32%
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	266.473	450.502	59%
3. Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	92.155	101.392	91%
4. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	49.519	50.937	97%
5. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	39.616	40.080	99%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ % 2021/2020
6. Lợi nhuận được chia từ Vinarice (30% LNST của Vinarice)	Triệu đồng	18.900	10.664	177%
7. Tổng Lợi nhuận hợp nhất	Triệu đồng	58.516	50.744	115%
EBIT	Triệu đồng	49.519	51.036	97,0%
EBITDA	Triệu đồng	60.285	62.669	96,2%

Năm 2021, Sản lượng và doanh thu kế hoạch điều chỉnh giảm so với thực hiện năm 2020 là do không hoạt động sản xuất gia công lúa thuần cho Vinarice (Vinarice chủ động sản xuất từ năm 2021). Năm 2021, SSC chỉ tập trung nguồn lực, đầu tư và phục vụ sản xuất kinh doanh chính của SSC.

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản mới 2021

TT	Danh mục sửa chữa, trang bị mới	Giá trị dự kiến (đồng)	
		Đầu tư mới và Sửa chữa lớn	Sửa chữa nhỏ
I	CN Cờ Đỏ	3.750.000.000	70.000.000
1	TTNC Lúa Cờ Đỏ	<i>KH năm 2020 chuyển qua</i>	
2	Trang bị vít tải cầu cảng nhập lúa NL tươi	1.750.000.000	
3	Nâng cấp kho lắp máy chế biến	2.000.000.000	
4	Hệ thống chế biến	<i>KH năm 2020 chuyển qua</i>	
5	Mua sắm CCDC, sửa chữa nhỏ		70.000.000
II	CN Phú Giáo		141.180.000
1	Hệ thống tưới nhỏ giọt tự động, châm phân, bù áp (15 ha)	<i>KH năm 2020 chuyển qua</i>	
2	Mua sắm CCDC, sửa chữa thiết bị nhỏ		141.180.000
III	CN Củ Chi	995.000.000	54.000.000
1	Bảo trì hệ thống kho mát/lạnh, xe nâng, hệ thống điện		36.000.000
2	Bảo trì cân xe tải, hệ thống camera, máy ép nhiệt		18.000.000
3	Dây gàu, gài E10, E5	20.000.000	
4	Cụm máy tính văn phòng, phòng cân	30.000.000	
5	Cơ giới hóa sấy/lấy Kho 1, 2	800.000.000	
6	Hệ thống camera	30.000.000	
7	Quạt ly tâm	60.000.000	
8	Hàng rào kho 6	25.000.000	
9	Bao bigbag 1 tấn	30.000.000	
IV	CN Lâm Hà	347.000.000	21.000.000
1	Lắp đặt máy lạnh cho phòng làm việc (02 phòng).	20.000.000	
2	Đầu tư hệ thống tưới (4ha)	200.000.000	
3	Kéo đường điện 3 pha ra đồng (600m)	80.000.000	
4	Lắp đặt thiết bị báo cháy nhà kho	30.000.000	

TT	Danh mục sửa chữa, trang bị mới	Giá trị dự kiến (đồng)	
		Đầu tư mới và Sửa chữa lớn	Sửa chữa nhỏ
5	Đầu tư thêm máy cày (loại VN tự chế có động cơ)	17.000.000	
6	Bảo trì sửa chữa thiết bị nhỏ		21.000.000
V	CN Miền Trung	200.000.000	-
1	Đổ bê tông đường từ cổng vào kho và trước cửa kho (200m)	200.000.000	
VI	CTVS	1.142.000.000	-
1	Sửa chữa thiết bị may hút ẩm kho X4 (giống gốc)	16.000.000	
2	Bảo trì định kỳ hệ thống lạnh NMRH (4 kỳ)	16.000.000	
3	Mua 1 máy đóng gói	250.000.000	
4	Mua 1 máy coating hạt giống	700.000.000	
5	Mua 1 máy in date	125.000.000	
6	Mua 2 cân điện tử (10.000.000 đ/cân)	20.000.000	
7	Mua 1 máy thổi	15.000.000	
	Tổng cộng	6.434.000.000	286.180.000

Thuyết minh các hạng mục đầu tư chính năm 2021 như sau:

- Xây dựng TTNC Lúa tại Cờ Đỏ
- Đầu tư cơ giới hóa tại CN Cờ Đỏ.
- Hệ thống tưới nhỏ giọt CN Phú Giáo

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

✓ **Nhóm lúa thuần:**

- Duy trì sản phẩm bản quyền từ 80% trở lên của chiến lược để đảm bảo lợi nhuận;
- Dự báo tốt để điều chỉnh cơ cấu phù hợp cho SXKD;
- Linh hoạt chính sách bán hàng để thu hút khách hàng tập trung tiêu thụ;
- Phối hợp với đại lý, công ty thu mua nông sản, tổ chức hội thảo để giới thiệu các giống lúa Đài Thơm 8, Hương Châu 6 và Thiên Châu 6;
- Chăm sóc khách hàng chiến lược.

✓ **Nhóm lúa lai:**

- Đảm bảo lượng giống HR182 cho đối tác xuất Philippine;
- HR182, KC06-1 tiêu thụ tốt ở Bán đảo Cà Mau trên vùng đất lúa tằm;

✓ **Bắp vàng:**

- Duy trì tiêu thụ sản phẩm bắp vàng tại thị trường Campuchia, SSC 557, SSC P2P.

- Tăng cường công tác marketing cho thị trường Campuchia.
- Quảng bá bắp sinh khối SSC 586 cho các trang trại chăn nuôi bò.
- ✓ **Bắp nếp:**
 - Quảng bá CX247 Super; MX10 New, Max 68.
 - Linh hoạt chính sách bán hàng MX 2, MX4, MX6, MX10.
- ✓ **Nhóm rau - đậu:**
 - Xây dựng mạng lưới Khảo nghiệm sản phẩm và tăng cường Hội thảo đầu bờ để nhanh chóng thiết lập danh mục sản phẩm Hạt giống Rau;
 - Sản phẩm đã kinh doanh: Tiếp tục giải phóng tồn kho trong năm 2020 và không sản xuất mới;
 - Phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu của Tập đoàn (VRDC) để đưa ra các giống mới phù hợp thị hiếu, nhằm tăng sản phẩm kinh doanh.
 - Đậu xanh 208 linh hoạt chính sách để dẫn dắt thị trường phía Nam và Campuchia.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam (SSC);
- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, ngày 25/6/2020;

Ban Kiểm soát xin trình trước Đại hội đồng cổ đông Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát hoạt động, tình hình thực hiện và tuân thủ Nghị quyết, điều lệ, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước năm 2020.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ BKS theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, Năm 2020, BKS đã tiến hành hợp và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh theo nghị quyết đại hội cổ đông và giám sát việc tuân thủ điều lệ, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước tại trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc.

Các hoạt động kiểm soát năm 2020 như sau:

1. Kiểm tra tính trung thực, hợp pháp, hợp lý và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành và hoạt động đầu tư; tính nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.
2. Kiểm tra việc ban hành, tuân thủ các định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty trong hoạt động sản xuất, chế biến bảo quản, kinh doanh.
3. Rà soát kiểm tra, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro.
4. Xem xét hồ sơ chứng từ, sổ kế toán, việc ghi chép kế toán và các tài liệu khác; phỏng vấn các cán bộ quản lý, người lao động trực tiếp trong quá trình làm việc của BKS.
5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp của báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính năm của Công ty.
6. Trong năm 2020 BKS không nhận được bất kỳ yêu cầu kiểm tra bất thường nào đối với hoạt động của Công ty.

Các phiên họp của Ban Kiểm soát:

Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu / Ngày từ nhiệm	Tham dự	Tỷ lệ
Phan Thế Tỷ	Trưởng BKS	25/4/2015	03	100.00%

Lê Thái Bình	TV BKS đến	Từ 16/4/2019 đến	01	33.33%
Nguyễn Thị Như Quỳnh	25/6/2020	25/6/2020	01	33.33%
Nguyễn Thị Thanh Hà	TV BKS	25/6/2020	02	66.67%
Lương Mai Phương	TV BKS	25/6/2020	02	66.67%

Các biên bản họp Ban Kiểm soát:

01	BKS2019-02	03/04/2020	Tổng kết làm việc định kỳ 6 tháng cuối năm 2019, thống nhất báo cáo của BKS trình ĐH cổ đông thường niên.
02	BKS2020-01	10/09/2020	Tổng kết làm việc định kỳ 6 tháng đầu năm 2020, thống nhất báo cáo kết quả làm việc của BKS với HĐQT và Ban TGD.
03	BKS2020-02	05/04/2021	Tổng kết làm việc định kỳ 6 tháng cuối năm 2020, thống nhất báo cáo của BKS với HĐQT, Ban TGD và trình ĐH cổ đông thường niên.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (chưa hợp nhất VNR).

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	CK 2019	TH/KH	TH/CK
Khối lượng	Tấn	25.306	29.466	30.764	116,44%	95,78%
Doanh thu	Triệu đồng	373.681	450.502	611.486	120,56%	73,67%
Chênh lệch giá	Triệu đồng	87.911	101.392	173.471	115,33%	58,45%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	48.843	50.937	92.872	104,29%	54,85%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	39.075	40.080	73.836	102,57%	54,28%

Năm 2020, Công ty thực hiện hoàn thành tốt mục tiêu kinh doanh theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 giao.

2. Hoạt động đầu tư và đầu tư xây dựng cơ bản 2020.

a. Đầu tư Tài chính: Đầu tư vào Công ty liên kết với Dự án Trung tâm Công nghiệp Chế biến Hạt giống và Nông sản tỉnh Đồng Tháp: Dự án đã hoàn thành và SSC đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam (Vinarice) vào tháng 6/2020. Với giá trị góp vốn: **99 tỷ đồng**, tương đương 30% vốn Vinarice.

b. Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa:

- Công tác đầu tư XD CB (bao gồm cả cải tạo, sửa chữa), mua sắm thiết bị được thực hiện đúng quy định của Công ty và pháp luật, hồ sơ rõ ràng, chất lượng tài sản đảm bảo đúng hợp đồng đã ký với nhà thầu; các hạng mục công trình đầu tư như sau:

(Đvt: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Kế hoạch phê duyệt	Tiến độ thực hiện 2020	Ghi chú
1	Chi nhánh Cờ Đỏ	30.998	3.723	Đang thực hiện
	Bao gồm:			
	+ Xây dựng Trung tâm nghiên cứu lúa	20.000		Chuyển sang 2021
	+ Hệ thống chế biến giống công suất 15 tấn/h	10.000		Chuyển sang 2021
	+ Cải tạo kênh mương nội đồng, thay thế, sửa chữa thiết bị, băng tải,...	998		Chuyển sang 2021
2	Chi nhánh Phú Giáo: (Cải tạo hệ thống tưới tiêu, máy móc thiết bị).	1.357	67	Đang thực hiện
3	Chi nhánh Củ Chi: (Đông bộ bao Bigbag, bảo trì, sửa chữa hệ thống máy móc thiết bị)	720	230	Đang thực hiện
4	Chi nhánh Lâm Hà (Sửa chữa, bảo trì hệ thống thiết bị)	40	90	
5	Chi nhánh Miền Trung (Sửa chữa nhà văn phòng chi nhánh)	231	103	
6	Hội sở	0	700	
	TỔNG CỘNG	33.346	4.946	

✓ Tổng cộng thực hiện là 4,94 tỷ đồng, chỉ đạt 14,8% kế hoạch.

- c. Tổng cộng giá trị đầu tư năm 2020: 103,94 tỷ đồng, với giá trị đầu tư năm 2020 đã làm tăng tài sản của Công ty.

3. Các chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2019	2020
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,52	2,11
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,96	1,84
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	30,56%	28,98%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	44,01%	40,81%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Lần	1,29	0,94
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	21,85%	11,93%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	15,53%	8,38%

4. Công tác hạch toán kế toán và báo cáo tài chính

- Công tác hạch toán kế toán được thực hiện thống nhất phù hợp với chế độ, các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan.

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập theo đúng quy định của Ủy Ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, Điều lệ Công ty, báo cáo tài chính được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định của Bộ Tài Chính, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, đồng thời phản ánh trung thực và đầy đủ các chỉ tiêu tài chính.

5. Sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban Điều hành

- Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của BKS, BKS đưa ra những phân tích, đánh giá và khuyến nghị trên tinh thần hợp tác, trách nhiệm với Công ty
- Ban Kiểm soát luôn chú trọng trao đổi, phối hợp đóng góp, kiến nghị đến HĐQT, Ban Điều hành thông qua các biên bản kiểm soát các Chi nhánh, phòng chức năng về những vấn đề trong quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh, các chính sách phát triển thị trường, đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách nhân sự quản lý. Các giải pháp đề xuất của BKS đưa ra được HĐQT, Ban điều hành ghi nhận và có nhiều đổi mới, cải tiến trong quản trị doanh nghiệp.
- Phối hợp chặt chẽ trong công tác xét chọn đơn vị kiểm toán độc lập và thực hiện thảo luận cùng kiểm toán viên trong quá trình làm việc đúng quy định điều lệ Công ty, cũng như Quy chế quản trị Công ty về việc phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT.

6. Kết luận và kiến nghị

Năm 2020, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020 ĐHĐCĐ thường niên 2019 giao.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét nghiêm túc những ý kiến, kiến nghị của BKS và thực hiện các biện pháp hoàn thiện quy trình SXKD, các định mức kinh tế kỹ thuật trong SX, kinh doanh, chế biến bảo quản và hạch toán kế toán.

Trân trọng!

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Thế Tý

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giồng cây trồng miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) kiểm toán xác nhận.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Giồng cây trồng miền Nam, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định và đồng thời đăng tải trên trang web của Công ty (<http://ssc.com.vn/>) bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
3. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2020;

Trong đó, có một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu cơ bản	Giá trị	Ghi chú
1	Tổng tài sản	482.411	
2	Doanh thu thuần	450.502	
3	Lợi nhuận trước thuế	50.937	
4	Lợi nhuận sau thuế	40.080	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN & CỔ TỨC NĂM 2020

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam kiểm toán xác nhận.

1. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020: (ĐVT: VND)

TT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	% LNST
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	40.080.007.483	100,00%
2	Phân phối lợi nhuận năm 2020	30.103.407.890	74,86%
a	Trích lập quỹ	9.218.401.721	23,00%
-	Quỹ đầu tư phát triển (15% * LN sau thuế)	6.012.001.122	15,00%
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8% * LN sau thuế)	3.206.400.599	8,00%
b	Thù lao HĐQT & BKS (không kiêm nhiệm)	876.779.029	2,19%
c	Cổ tức tiền mặt 15% vốn điều lệ (Đã trừ cổ phiếu quỹ)	19.907.677.500	49,67%
3	Lợi nhuận chưa phân phối	10.077.149.232	25,14%

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 giữ lại để thực hiện tái đầu tư phát triển cho Công ty trong giai đoạn tới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(v/v: báo cáo kết quả chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2020
và phương án chi trả thù lao năm 2021)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2020:

- Căn cứ vào Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020 của ĐHĐCĐ thường niên 2019, biểu quyết thông qua thù lao chi trả cho HĐQT & BKS năm 2020 là 2% lợi nhuận sau thuế (LNST) của Báo cáo tài chính 2020;
- Mức thù lao thưởng, phạt căn cứ theo tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế tăng hoặc giảm so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo quy định hiện hành.
- Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ lợi nhuận sau thuế.

BẢNG QUYẾT TOÁN THÙ LAO HĐQT & BKS NĂM 2020

(ĐVT: đồng)

TT	Chỉ tiêu thực hiện BCTC hợp nhất	Giá trị quyết toán	Tỷ lệ %	Thù lao
1	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch	51,074,511,084	2.00%	1,021,490,222
2	Lợi nhuận sau thuế thực hiện	50,744,461,750		
3	Lợi nhuận giảm so với kế hoạch	-330,049,334	-0.65%	
4	Giảm thù lao theo NQ ĐHĐCĐ 2019			-3,300,493
-	LNST thực hiện giảm từ 0% đến dưới 10%	-330,049,334	1.00%	-3,300,493
5	Số thù lao còn lại được hưởng (1) + (4)			1,018,189,728
a	<i>Thù lao HĐQT và BKS không kiêm nhiệm</i>			876,779,029
b	<i>Thù lao HĐQT và BKS kiêm nhiệm</i>			141,410,699

✓ **Ghi chú:**

- Tạm ứng thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020 là: **456.000.000 đồng**
- Số còn lại chưa chi: **1.018.189.728 đồng – 456.000.000 đồng = 562.189.728 đồng**, sẽ thực hiện quyết toán sau khi ĐHĐCĐ thông qua & sẽ trừ thuế TNCN của các thành viên HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT.

II/ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT & BKS NĂM 2021:

Căn cứ kế hoạch SXKD, doanh thu và LNST năm 2021, với chỉ tiêu LNST là **58,51 tỷ đồng**. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021, dự kiến như sau:

1. Tổng thù lao dự kiến chi trả cho HĐQT & BKS là **2% LNST**, tương ứng **58,51 tỷ đồng x 2% = 1.170 triệu đồng**.
2. Mức thù lao thưởng, phạt căn cứ theo tỷ lệ % thực hiện LNST tăng hoặc giảm so với kế hoạch LNST như sau:

Khung	Khung tăng, giảm LNST	Thưởng, phạt trong từng khung
1	Từ 0% đến dưới 10%	LNST tăng, giảm trong khung x 1 %
2	Từ 10% đến dưới 20%	LNST tăng, giảm trong khung x 2 %
3	Từ 20% đến dưới 30%	LNST tăng, giảm trong khung x 3 %
4	Từ 30% trở lên	LNST tăng, giảm trong khung x 4 %

3. Phương thức tạm ứng và quyết toán: Tạm ứng hàng tháng là 70% và quyết toán sau khi ĐHCĐ thường niên 2021 thông qua.
4. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giồng cây trồng miền Nam;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021; Nghị quyết của Hội đồng quản trị, ngày 08 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua :

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

(ĐVT: VND)

TT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Doanh thu thuần	266.473.288.243
2	Lợi nhuận trước thuế	49.519.408.639
3	Lợi nhuận sau thuế	39.615.526.911
4	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (30% từ LNST của VNR)	58.515.526.911

- 2. Kế hoạch cổ tức năm 2021:** Kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021 là 15% vốn điều lệ (đã trừ cổ phiếu quỹ).
- 3. Kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021:** 08%/lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Kim Liên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Ủy quyền lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021)

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC).
- Căn cứ Quyết định 89/2007/QĐ-BTC, ngày 24/10/2007 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế lựa chọn công ty kiểm toán được chấp thuận cho tổ chức phát hành tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán.

HDQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết **ủy quyền Ban Kiểm soát** lựa chọn một trong những công ty kiểm toán theo danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán các công ty niêm yết, để **kiểm toán báo cáo tài chính của SSC năm 2021 như sau:**

1. CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

- Địa chỉ: 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

2. CÔNG TY TNHH ERNST&YOUNG VIỆT NAM

- Địa chỉ: 28th Floor, Bitexco Financial Tower, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

3. CÔNG TY TNHH KPMG Việt Nam

- Địa chỉ: Văn phòng TP. Hồ Chí Minh: Lầu 10, Tòa nhà Sunwah 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

4. CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM (PWC)

- Địa chỉ: Văn phòng TP. Hồ Chí Minh, Tầng 4 – Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp.HCM

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Kim Liên

Số tham chiếu: 61000411/22006183

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") được lập Ngày 22 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		294.578.086.022	365.525.394.446
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	91.610.861.476	131.717.277.636
111	1. Tiền		14.263.712.781	21.717.277.636
112	2. Các khoản tương đương tiền		77.347.148.695	110.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		164.729.495.469	151.368.587.540
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	104.030.505.554	51.516.020.432
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	3.246.897.249	17.414.510.714
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.3	55.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5.4	3.832.622.532	85.159.030.426
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.5	(1.380.529.866)	(2.720.974.032)
140	III. Hàng tồn kho	6	37.139.365.382	81.701.700.413
141	1. Hàng tồn kho		43.358.820.813	89.333.919.038
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.219.455.431)	(7.632.218.625)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.098.363.695	737.828.857
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	322.247.465	737.828.857
155	2. Tài sản ngắn hạn khác		776.116.230	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		187.832.869.903	108.406.448.085
220	I. Tài sản cố định		80.757.105.498	80.882.093.486
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	33.254.913.454	43.725.366.330
222	Nguyên giá		143.078.061.396	142.717.197.596
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(109.823.147.942)	(98.991.831.266)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	47.502.192.044	37.156.727.156
228	Nguyên giá		54.649.059.344	43.501.879.669
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.146.867.300)	(6.345.152.513)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		971.174.909	8.473.437.286
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	971.174.909	8.473.437.286
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	99.000.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.349.764.000	3.349.764.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		99.000.000.000	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.349.764.000)	(3.349.764.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		7.104.589.496	19.050.917.313
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.268.992.108	15.463.486.235
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	3.825.597.388	2.582.314.848
268	3. Tài sản dài hạn khác		10.000.000	1.005.116.230
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		482.410.955.925	473.931.842.531

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		139.821.226.238	144.834.354.761
310	I. Nợ ngắn hạn		139.821.226.238	144.834.354.761
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	15.899.764.724	8.071.446.656
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.336.763.480	1.827.465.795
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.233.743.340	5.122.629.182
314	4. Phải trả người lao động		8.069.503.110	11.393.085.706
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	9.876.118.059	10.443.096.117
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	100.901.283.555	105.229.431.698
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	504.049.970	2.747.199.607
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		342.589.729.687	329.097.487.770
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	342.589.729.687	329.097.487.770
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
415	3. Cổ phiếu quỹ		(116.847.528.444)	(116.847.528.444)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		114.497.903.461	114.497.903.461
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		186.495.270.258	173.003.028.341
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		147.000.760.338	117.064.573.547
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		39.494.509.920	55.938.454.794
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		482.410.955.925	473.931.842.531


Ma Hoàng Kim Trang
Người lập


Lâm Tuấn Lạc
Quyền Kế toán trưởng





Nguyễn Đình Nam
Quyền Tổng Giám đốc


Ngày 22 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	468.278.984.811	669.678.960.342
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(17.777.335.037)	(58.193.050.222)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	450.501.649.774	611.485.910.120
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(349.109.782.799)	(438.014.593.151)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.391.866.975	173.471.316.969
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	4.656.933.886	2.288.428.952
22	7. Chi phí tài chính	19	(128.367.251)	(2.032.202.129)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(99.018.113)	(1.836.849.201)
25	8. Chi phí bán hàng	20, 21	(26.822.733.874)	(33.812.392.416)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20, 21	(30.089.542.020)	(45.509.554.286)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.008.157.716	94.405.597.090
31	11. Thu nhập khác	22	3.524.790.454	3.671.619.022
32	12. Chi phí khác	22	(1.595.647.840)	(5.205.095.990)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	22	1.929.142.614	(1.533.476.968)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50.937.300.330	92.872.120.122
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(12.100.505.387)	(16.478.384.383)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	23.3	1.243.282.540	(2.557.338.175)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		40.080.077.483	73.836.397.564
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	3.028	5.069
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24	3.028	5.069


Ma Hoàng Kim Trang
Người lập


Lâm Tuấn Lạc
Quyền Kế toán trưởng


Nguyễn Đình Nam
Quyền Tổng Giám đốc



Ngày 22 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50.937.300.330	92.872.120.122
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8	11.661.667.825	11.947.119.155
03	Hoàn nhập dự phòng		(1.902.268.583)	(3.434.086.774)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.821.120)	361.619
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.407.601.996)	(2.167.640.935)
06	Chi phí lãi vay	19	99.018.113	1.836.849.201
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		57.385.294.569	101.054.722.388
09	Tăng các khoản phải thu		(56.141.260.069)	(74.940.211.333)
10	Giảm hàng tồn kho		45.975.098.225	53.133.923.027
11	Tăng các khoản phải trả		16.544.465.375	4.563.221.028
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.462.895.844	(11.677.215.127)
14	Tiền lãi vay đã trả		(99.018.113)	(1.969.620.041)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(13.868.174.270)	(18.153.400.370)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.828.717.200)	(7.470.633.996)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		48.430.584.361	44.540.785.576
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(1.668.972.864)	(5.733.710.808)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	337.909.091
23	Tiền chi cho vay		(55.000.000.000)	-
25	Tiền chi góp vốn vào công ty liên kết		(8.212.749.240)	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		2.867.823.163	2.167.640.935
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(62.013.898.941)	(3.228.160.782)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền mua lại cổ phiếu quỹ		-	(17.170.898.895)
33	Tiền thu từ đi vay		16.050.455.685	90.858.779.677
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(16.050.455.685)	(90.858.779.677)
36	Cổ tức đã trả	17.2	(26.525.922.700)	(54.722.834.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(26.525.922.700)	(71.893.732.995)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(40.109.237.280)	(30.581.108.201)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		131.717.277.636	162.298.747.456
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.821.120	(361.619)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	91.610.861.476	131.717.277.636



Ma Hoàng Kim Trang
Người lập



Lâm Tuấn Lạc
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Nam
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2021